

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày: 14-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Anh Dũng.

2/ Bà Lê Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST-HS ngày 02/06/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 43/TB-TA ngày 18/10/2021, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Trường D, sinh ngày 10/12/1996 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp PA, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG; nghề nghiệp: Thợ sửa kiềng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Th; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Họ và tên: Đỗ Trường Th, sinh ngày 01/11/1999 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp PA, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG; nghề nghiệp: Thợ sửa kiềng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L và bà Trần Thị M; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 23/02/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/ Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 26/02/2000 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp PA, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG; nghề nghiệp: Thợ sửa kiềng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị S; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 17/9/2021 bị bắt và tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4/ Họ và tên: Trần Hữu T, sinh ngày 27/4/1997 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp PH, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ch và bà Nguyễn Thị Mộng T; có vợ và 01 con sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 22/02/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1/ Anh Phan Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp MC, xã LT, huyện CL, tỉnh TG. (Có mặt).

2/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp PA, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Phạm Phú V, sinh năm 2004. Địa chỉ: ấp MC, xã ML, huyện CL, tỉnh TG. (Có mặt).

2/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp MC, xã ML, huyện CL, tỉnh TG. (Có mặt).

3/ Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp MC, xã ML, huyện CL, tỉnh TG. (Có mặt).

4/ Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp PH, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG. (Có mặt).

5/ Bà Trần Thị M, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp PA, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG. (Có mặt).

- Người làm chứng:

1/ Chị Ngô Thị Xuân Y, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp PH, xã LK, thị xã CL, tỉnh TG. (vắng mặt).

2/ Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp MH, xã LT, huyện CL, tỉnh TG. (vắng mặt).

3/ Anh Phan Trung Sơn, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp MC, xã LT, huyện CL, tỉnh TG. (vắng mặt)

4/ Ông Phan Hoàng G, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp MC, xã LT, huyện CL, tỉnh TG. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 08/4/2020 tại nhà của anh Phan Văn T thuộc ấp MC, xã LT, huyện CL, tỉnh TG, Nguyễn Trường D đã có hành vi cầm dao cùng với Đỗ Trường Th, Nguyễn Văn L, Trần Hữu T mỗi người đều cầm đoạn cây tràm cùng nhau xông vào nhà anh Tiến với mục đích gây thương tích. Nguyễn Trường D đã cầm dao chém vào tay trái, tay phải của anh Tiến gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 24% và cầm dao chém vào tay trái anh Nguyễn Văn Trãi gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12%.

Vật chứng thu giữ: 01 con dao có chiều dài 64 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại bản dẹp dài 37 cm, cán dao bằng gỗ (loại cây tre đã khô) có chiều dài 27 cm, bề rộng nhất của lưỡi dao là 05 cm, mũi dao nhọn, cong xuống do Nguyễn Trường D giao nộp; 01 dàn ná bắn đạn bi có thân bằng gỗ, dây được làm bằng cao su màu vàng do Phan Trung Sơn giao nộp; 01 đoạn cây tràm dài 153 cm, thân tròn có đường kính 04 cm; 01 đoạn cây tràm dài 139 cm, đường kính 2,5 cm; 01 đoạn cây tràm dài 87 cm, đường kính 04cm thu giữ tại hiện trường; 01 xe mô tô biển số 63FN – 0063 của Nguyễn Văn L; 01 xe mô tô biển số 63P1 – 335.36 của Nguyễn Chí T; 01 xe mô tô biển số 63B2 – 132.43 hiệu Yamaha loại Taurus, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 132.43 do Phạm Văn Thích, địa chỉ ấp Bình Ninh, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy đứng tên chủ sở hữu do Phạm Phú V giao nộp; 01 xe mô tô biển số 63B2 – 719.99 hiệu Suzuki loại Satria, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 719.99 do Trần Hữu T đứng tên chủ sở hữu.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 63FN - 0063 và 63P1 – 335.36 bị đập phá hư hỏng, Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy tách ra để làm rõ, xử lý hành vi đập phá tài sản bằng vụ việc khác. Các vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, chờ xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSHCL ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Trường D mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Trường Th mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Hữu T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Phan Văn T các khoản gồm tiền thuốc + Tiền xe đi điều trị, tái khám + Tiền Công lao động + Tiền tổn thất tinh thần tổng cộng số tiền là 87.000.000đ. Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn T các khoản gồm tiền thuốc + Tiền xe đi điều trị, tái khám + Tiền Công lao động + Tiền tổn thất tinh thần tổng cộng số tiền là 42.450.000đ;

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao có chiều dài 64 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại bản đẹp dài 37 cm, cán dao bằng gỗ (loại cây tre đã khô) có chiều dài 27 cm, bề rộng nhất của lưỡi dao là 05 cm, mũi dao nhọn, cong xuống do Nguyễn Trường D giao nộp; 01 dàn ná bắn đạn bi có thân bằng gỗ, dây được làm bằng cao su màu vàng do Phan Trung Sơn giao nộp; 01 đoạn cây tràm dài 153 cm, thân tròn có đường kính 04 cm; 01 đoạn cây tràm dài 139 cm, đường kính 2,5 cm; 01 đoạn cây tràm dài 87 cm, đường kính 04 cm thu giữ tại hiện trường. Trả lại xe mô tô biển số 63B2-132.43 cho bà Trần Thị H; Trả lại xe mô tô biển số 63B2 – 719.99 hiệu Suzuki loại Satria, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 719.99 do Trần Hữu T đứng tên chủ sở hữu; Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đồng do gia đình bị cáo Trần Hữu T nộp và số tiền 10.000.000đồng do gia đình bị cáo Đỗ Trường Th nộp để đảm bảo thi hành án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Trường D, Nguyễn Văn L, Đỗ Trường Th, Trần Hữu T khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 18 giờ ngày 08/4/2020, Nguyễn Trường D, Trần Hữu T cùng với Nguyễn Chí T, Ngô Thị Xuân Y, Phan Thị Bảo Trâm xảy ra mâu thuẫn với Phan Văn T khi tham gia giao thông

trên đoạn đường thuộc ấp MH, xã LT, huyện CL, tỉnh TG, Tiến chặn xe mô tô do Duy, Tính điều khiển và dùng tay đánh vào mặt của Duy, Tính, sau đó được mọi người can ngăn thì Tiến bỏ về nhà. Sau khi bị Tiến đánh, Duy điện thoại rủ Đỗ Trường Th và Nguyễn Văn L cùng đến nhà của Tiến để hỏi lý do đánh Duy, thì Thịnh, Lộc đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Duy điều khiển xe mô tô biển số 63F8 - 8474, Lộc điều khiển xe mô tô biển số 63FN – 0063 chở Thịnh, Tính điều khiển xe mô tô biển số 63B2 – 719.99 chở Trâm, Thúc điều khiển xe mô tô biển số 63P1 – 335.36 chở Yến cùng đi đến nhà Tiến, tại đây nhóm của Duy, Thúc, Tính dựng xe 03 xe mô tô cạnh đường đầ, rồi một mình Duy vào nhà nói chuyện với bà Nguyễn Thị Đạm là mẹ của anh Tiến, trong lúc Duy nói chuyện với bà Đạm thì Phan Văn T từ trong nhà cầm đoạn cây cùng với Phan Hoàng G đi đến vị trí của Duy xảy ra cự cãi, đánh nhau nên Duy, Lộc, Thịnh, Tính, Thúc mỗi người bẻ 01 đoạn cây tràm trong vườn sầu riêng của Tiến để đánh lại. Trong lúc đánh nhau, Yến bị nhóm của Tiến đánh trúng nên Thúc lấy xe mô tô biển số 63F8 – 8474 chở Yến đi bệnh viện, Tính điều khiển xe 63B2 – 719.99 chở Trâm về nhà, còn những người còn lại bỏ chạy bộ, để lại xe mô tô biển số 63FN – 0063 và 63P1 – 335.36. Lúc này, Duy bỏ chạy bộ về nhà cách đó khoảng 500 m, lấy 01 con dao dài 64cm, cán bằng cây dài 27 cm, lưỡi bằng kim loại dài 37 cm cất giấu phía sau lưng, sau đó Duy điện thoại cho Tính nói đến nhà Tiến lấy xe, rồi điện thoại Phạm Phú V đến chở Duy vào nhà Tiến để lấy 02 xe mô tô còn để lại, khi Vinh điều khiển xe mô tô biển số 63B2 – 132.43 của Vinh chở Duy đến đoạn đường đầ vào nhà Tiến thì gặp Thịnh, Lộc, sau đó, Tính điều khiển xe mô tô biển số 63B2 – 719.99 đến nên tất cả cùng đi về hướng nhà Tiến. Khoảng 19 giờ cùng ngày, cả nhóm đến nhà Tiến, dừng xe cách nhà Tiến khoảng 50 m, Vinh đứng bên ngoài giữ 02 xe mô tô, còn Duy cầm trên tay cây dao đem theo sẵn từ trước đi vào nhà Tiến, cùng đi phía sau có Thịnh, Lộc, Tính trên đường đi mỗi người bẻ 01 đoạn cây tràm cầm trên tay nhằm mục đích đánh nhau với nhóm của Tiến khi bị tấn công, khi đến vị trí xe mô tô biển số 63FN – 0063 và 63P1 – 335.36 thì bị Phan Văn T, Nguyễn Văn Trãi, Phan Trung Sơn từ trong nhà ném gạch ống, dùng ná thun bắn đạn bi tấn công nên Duy, Lộc, Thịnh, Tính cùng lượm gạch ống ném lại vào bên trong nhà Tiến, đồng thời nhìn thấy 02 xe mô tô bị đập bể nhiều bộ phận, xe nằm dưới mương nước nên Duy khởi xướng cho cả nhóm cùng xông vào bên trong nhà Tiến để chém, đánh người đang ném gạch, bắn ná thun, Duy nói “tao đếm một, hai, ba chạy vô chém”, Thịnh nghe Duy nói xong thì trả lời “ừ chạy vô đập chết mẹ nó”, Lộc và Tính đứng bên cạnh nghe Duy và Thịnh nói xong cùng đồng ý xông vào để chém, đánh người trong nhà Tiến, sau khi nghe Duy nói “một, hai, ba chém” thì Duy cầm dao, Thịnh, Lộc, Tính mỗi người cầm 01 đoạn cây tràm cùng chạy nhanh vào trong nhà tìm Tiến và những người ném gạch, bắn ná thun. Duy cầm dao đuổi theo Tiến chạy ra phía sau nhà, còn Lộc, Thịnh cầm cây đuổi theo Nguyễn Văn Trãi phía trước nhà, Tính cầm cây chạy vào thì bị trượt chân rớt xuống mương nước, khi đuổi kịp Tiến thì Duy cầm dao chém 02 cái theo hướng từ trên xuống, Tiến đưa 02 tay chống đỡ thì bị Duy chém trúng gây thương tích, sau khi bị Duy chém, Tiến bỏ chạy ra phía sau nhà nên Duy cầm dao chạy đến vị trí Lộc, Thịnh

đang đánh anh Trãi rồi Duy cầm dao chém 02 cái theo hướng từ trên xuống trúng vào tay trái anh Trãi nên anh Trãi bỏ chạy vào phía trong nhà. Lúc này, Tính cầm đoạn cây tràm chạy vào bên trong sân nhà để tìm đánh những người trong nhà Tiến thì Duy, Lộc, Thịnh đã đánh chém xong nên Tính cùng Duy, Lộc, Thịnh đi ra lấy xe mô tô về nhà. Đến ngày 09/4/2020 Nguyễn Trường D tự nguyện giao nộp con dao và thừa nhận hành vi gây thương tích cho anh Tiến, anh Trãi.

Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đồng thời theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 295/2020/TgT và 286/2020/TgT ngày 14/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang xác định: tổng tỷ lệ thương tích của Phan Văn T là 24%, của Nguyễn Văn T là 12%, thương tích do vật sắc gây ra. Do vậy, có đủ căn cứ để tuyên bố các bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo là người đã thành niên và nhận thức rõ việc gây thương tích cho người khác là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi này không chỉ gây thiệt hại về sức khỏe và tinh thần đối với người bị hại mà còn làm mất an ninh trật tự, gây hoang mang cho người dân sinh sống tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt mỗi bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành người tốt. Để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo thì cần được xác định như sau:

[3.1] Bị cáo Nguyễn Trường D phạm tội với vai trò chính, là người chủ mưu, khởi xướng và rủ rê các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Trường Th và Trần Hữu T cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Phan Văn T và anh Nguyễn Văn T, chính bị cáo Duy mang theo dao và trực tiếp chém gây thương tích cho anh Tiến và anh Trãi, do vậy mức hình phạt của bị cáo Duy là cao hơn so với bị cáo Lộc, Thịnh và Tính.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Trường Th và Trần Hữu T đã giúp sức cho Duy thực hiện hành vi phạm tội nhưng vai trò không đáng kể, trong đó bị cáo Lộc, Thịnh đã dùng cây tràm đánh anh Trãi, bị cáo Tính bị trượt chân té ngã nên không đánh được ai, do vậy mức hình phạt của bị cáo Lộc, Thịnh cao hơn so với Tính.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi vụ án xảy ra bị cáo Thịnh và Tính đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nên được xem xét áp dụng

thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Thịnh và Tính. Ngoài ra, bị cáo Lộc, Thịnh và Tính đều có ông, bà là người có công với nước nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Phan Văn T yêu cầu được bồi thường các khoản thiệt hại gồm: Tiền thuốc là 37.000.000đ + Tiền xe đi điều trị và tái khám là 10.000.000đ + Tiền công lao động bị mất là 50.400.000đ (06 tháng x 8.400.000đ/tháng) + Tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000đ; Anh Nguyễn Văn T yêu cầu được bồi thường các khoản thiệt hại gồm: Tiền thuốc là 10.000.000đ + Tiền xe đi điều trị và tái khám là 4.000.000đ + Tiền công lao động bị mất là 40.000.000đ (04 tháng x 10.000.000đ/tháng) + Tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000đ. Xét thấy thương tích của anh Tiến và anh Trãi là do các bị cáo gây ra nên buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường, tuy nhiên mức thiệt hại anh Tiến và anh Trãi yêu cầu có những khoản chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại, cụ thể chi phí hợp lý của anh Tiến và anh Trãi được xác định như sau:

- Chi phí hợp lý của anh Tiến gồm:

+ Tiền thuốc có hóa đơn chứng từ hợp lý: 36.850.767đ

+ Tiền xe điều trị và tái khám: 10.000.000đ

+ Tiền tổn thất tinh thần: 03 tháng x 1.490.000đ/tháng = 4.470.000đ

Tổng cộng: 51.320.767đ.

Đối với tiền công lao động, anh Tiến trình bày nghề nghiệp hàng ngày là làm vườn và làm thuê thời vụ nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh nên không được chấp nhận.

- Chi phí hợp lý của anh Trãi gồm:

+ Tiền thuốc có hóa đơn chứng từ hợp lý: 12.598.360đ

+ Tiền xe điều trị và tái khám: 5.000.000đ.

+ Tiền công lao động bị mất: 02 tháng x 10.000.000đ/tháng = 20.000.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần: 02 tháng x 1.490.000đ/tháng = 2.980.000đ

Tổng cộng: 40.578.360đ.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Xét thấy: 01 con dao có chiều dài 64 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại bản dẹp dài 37 cm, cán dao bằng gỗ (loại cây tre đã khô) có chiều dài 27 cm, bề rộng nhất của lưỡi dao là 05 cm, mũi dao nhọn, cong xuống do Nguyễn Trường D giao nộp; 01 dàn ná bắn đạn bi có thân bằng gỗ, dây được làm bằng cao su màu vàng do Phan Trung Sơn giao nộp; 01 đoạn cây tràm dài 153 cm, thân tròn có đường kính 04 cm; 01 đoạn cây tràm dài 139 cm, đường kính 2,5 cm; 01 đoạn cây

trầm dài 87 cm, đường kính 04 cm thu giữ tại hiện trường là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với: 01 xe mô tô biển số 63B2 – 132.43 hiệu Yamaha loại Taurus, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 132.43 do Phạm Văn Thích, địa chỉ ấp Bình Ninh, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy đứng tên chủ sở hữu do Phạm Phú V giao nộp, xét thấy không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho anh Vinh.

[7.3] Đối với: 01 xe mô tô biển số 63B2 – 719.99 hiệu Suzuki loại Satria, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 719.99 do Trần Hữu T đứng tên chủ sở hữu, xét thấy là tài sản của bị cáo Tính nên trả lại cho bị cáo sử dụng.

[7.4] Đối với: 01 xe mô tô biển số 63FN – 0063 của Nguyễn Văn L, 01 xe mô tô biển số 63P1 – 335.36 của Nguyễn Chí T bị đập phá hư hỏng, Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy tách ra để làm rõ, xử lý hành vi đập phá tài sản bằng vụ việc khác là có căn cứ.

[8] Đối với chị Ngô Thị Xuân Y bị gây thương tích trong lúc nhóm của Phan Văn T và các bị cáo đánh nhau nhưng do thương tích nhẹ chị Yến không yêu cầu xử lý hình sự, dân sự nên không đặt ra xem xét.

[9] Đối với anh Phạm Phú V có hành vi điều khiển xe mô tô 63B2 – 132.43 chở Nguyễn Trường D đi đến nhà anh Tiến và điều khiển xe mô tô chở Đỗ Trường Th, Nguyễn Văn L rời khỏi nhà Tiến nhưng anh Vinh không biết trước việc các bị cáo Duy có ý định gây thương tích cho anh Tiến, anh Trãi và không cùng tham gia, không biết các bị cáo vào nhà anh Tiến gây thương tích cho ai nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Vinh.

[10] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Trường D, Đỗ Trường Th, Nguyễn Văn L và Trần Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường D 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2021 được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

2.3. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Trường Th 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2021.

2.4. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Phan Văn T số tiền tổng cộng là 51.320.800 đồng (lấy số tròn); Bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tổng cộng là 40.578.300 đồng (lấy số tròn). (Mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 22.974.800 đồng (lấy số tròn)).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao có chiều dài 64 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại bản dẹp dài 37 cm, cán dao bằng gỗ (loại cây tre đã khô) có chiều dài 27 cm, bề rộng nhất của lưỡi dao là 05 cm, mũi dao nhọn, cong xuống do Nguyễn Trường D giao nộp; 01 dàn ná bắn đạn bi có thân bằng gỗ, dây được làm bằng cao su màu vàng do Phan Trung Sơn giao nộp; 01 đoạn cây tràm dài 153 cm, thân tròn có đường kính 04 cm; 01 đoạn cây tràm dài 139 cm, đường kính 2,5 cm; 01 đoạn cây tràm dài 87 cm, đường kính 04 cm thu giữ tại hiện trường

3.2. Trả lại cho bị cáo Trần Hữu T 01 xe mô tô biển số 63B2 – 719.99 hiệu Suzuki loại Satria, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 719.99 do Trần Hữu T đứng tên chủ sở hữu.

3.3. Trả lại cho anh Phạm Phú V (Người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị H) 01 xe mô tô biển số 63B2 – 132.43 hiệu Yamaha loại Taurus, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 132.43 do Phạm Văn Thích đứng tên chủ sở hữu.

3.4. Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đồng do gia đình bị cáo Trần Hữu T nộp và số tiền 10.000.000đồng do gia đình bị cáo Đỗ Trường Th nộp để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.148.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy
- CAND huyện Cai Lậy.
- Người tham gia tố tụng
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---	--

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 500 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
 Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông. Nguyễn Anh Dũng

- Bà Lê Thị Vân

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 đối với:

1. Nguyễn Trường D, sinh năm 1996 tại tỉnh Tiền Giang;

2. Đỗ Trường Th, sinh năm 1999 tại tỉnh Tiền Giang;

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 2000 tại tỉnh Tiền Giang;

4. Trần Hữu T, sinh năm 1997 tại tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tổ tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trường D, Đỗ Trường Th, Nguyễn Văn L và Trần Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường D 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2021 được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

2.3. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Trường Th 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2021.

2.4. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2021.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Về các vấn đề khác:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Phan Văn T số tiền tổng cộng là 51.320.800đ (lấy số tròn); Bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tổng cộng là 40.578.300đ (lấy số tròn). (Mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 22.974.800đ (lấy số tròn)).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao có chiều dài 64 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại bản dẹp dài 37 cm, cán dao bằng gỗ (loại cây tre đã khô) có chiều dài 27 cm, bề rộng nhất của lưỡi dao là 05 cm, mũi dao nhọn, cong xuống do Nguyễn Trường D giao nộp; 01 dàn ná bắn đạn bi có thân bằng gỗ, dây được làm bằng cao su màu vàng do Phan Trung Sơn giao nộp; 01 đoạn cây tràm dài 153 cm, thân tròn có đường kính 04 cm; 01 đoạn cây tràm dài 139 cm, đường kính 2,5 cm; 01 đoạn cây tràm dài 87 cm, đường kính 04 cm thu giữ tại hiện trường

- Trả lại cho bị cáo Trần Hữu T 01 xe mô tô biển số 63B2 – 719.99 hiệu Suzuki loại Satria, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 719.99 do Trần Hữu T đứng tên chủ sở hữu.

- Trả lại cho anh Phạm Phú V (Người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị H) 01 xe mô tô biển số 63B2 – 132.43 hiệu Yamaha loại Taurus, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63B2 – 132.43 do Phạm Văn Thích đứng tên chủ sở hữu.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đ do gia đình bị cáo Trần Hữu T nộp và số tiền 10.000.000đ do gia đình bị cáo Đỗ Trường Th nộp để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.148.700đ án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 01 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
<i>(Ký tên, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 25-HS:

- (1) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân khu 4).
- (2) ghi địa điểm nơi tiến hành phiên tòa (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh X).
- (3) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán, Hội thẩm; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.
- (4) nếu có nhiều bị cáo thì ghi thứ tự từng người một; trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật.
- (5) ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Mẫu số 25-HS: Biên bản nghị án vụ án hình sự

Huỳnh Văn Thanh - Dương Trần Trọng Quang	Nguyễn Thành Ngoan
---	--------------------

